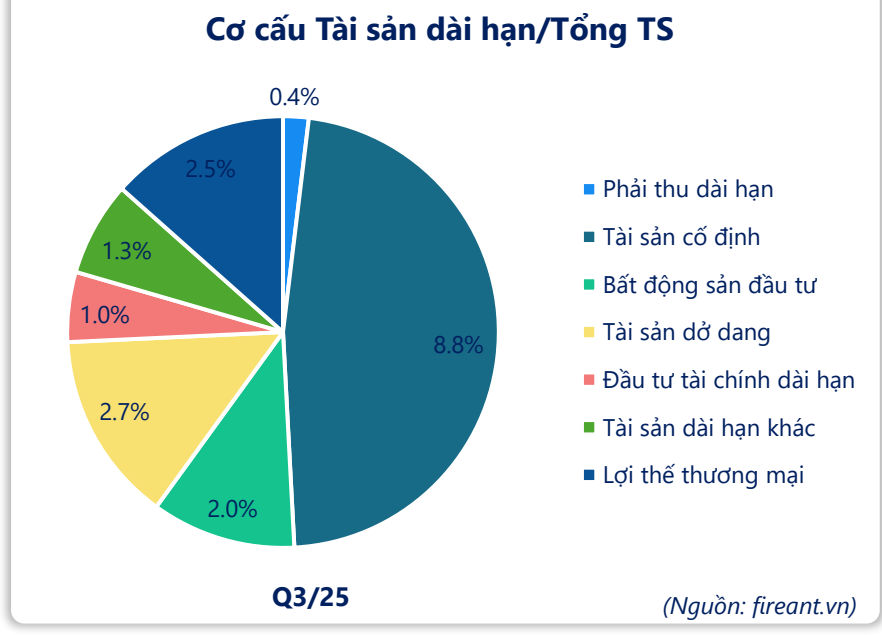
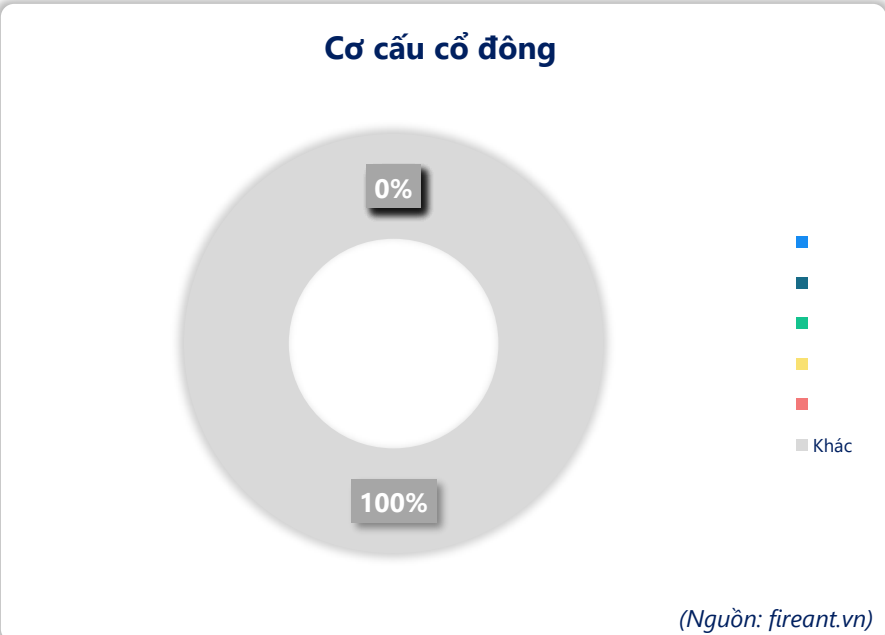
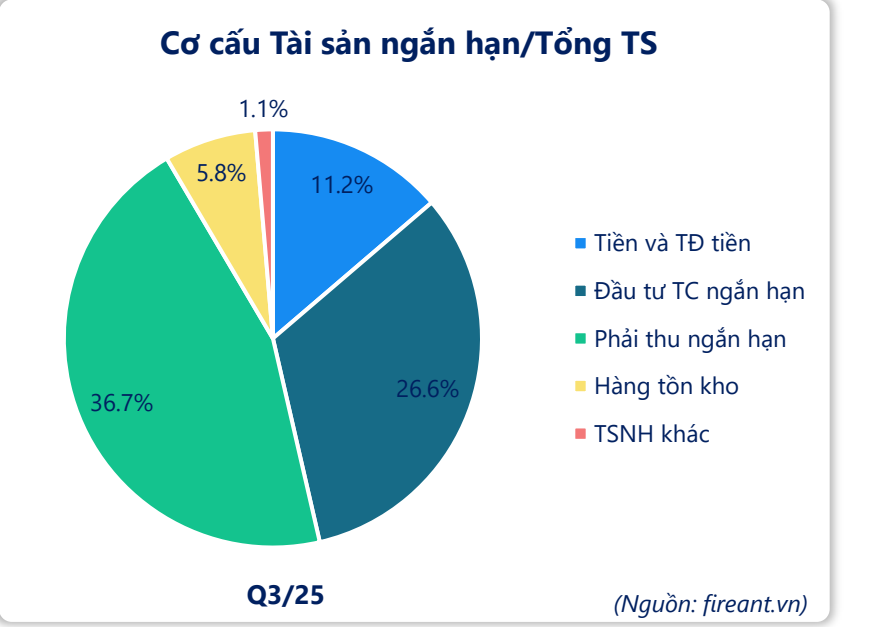
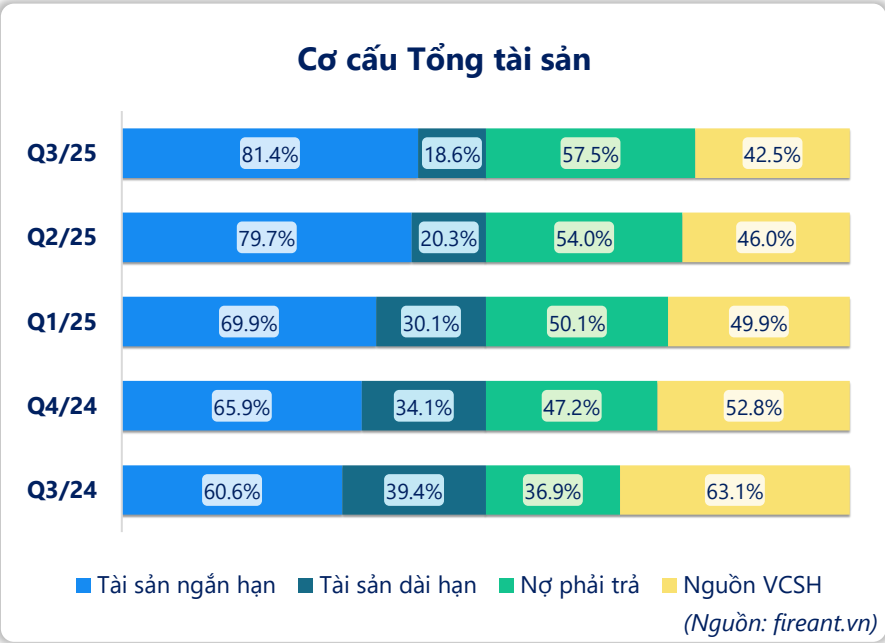
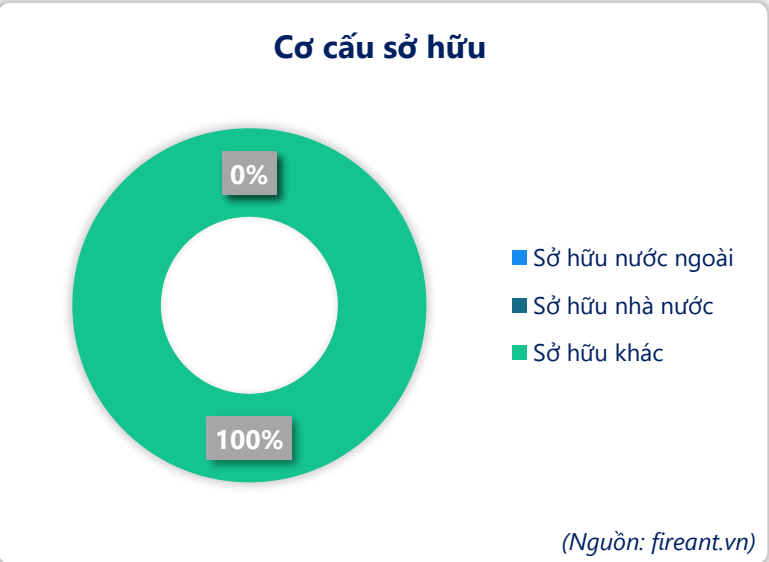
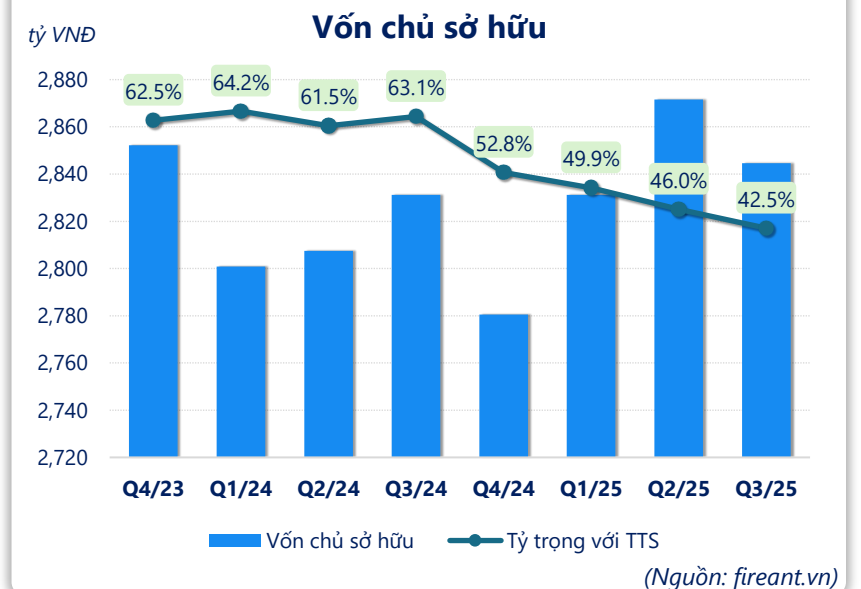
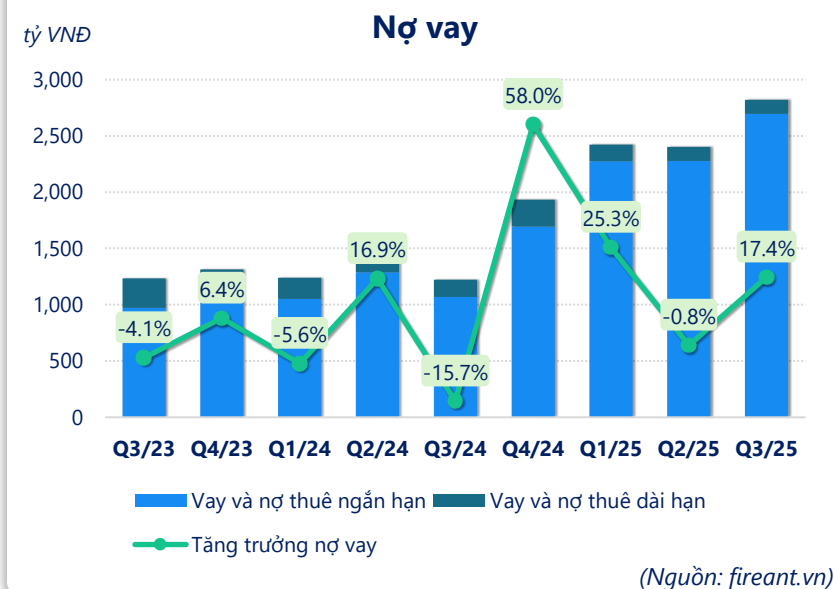
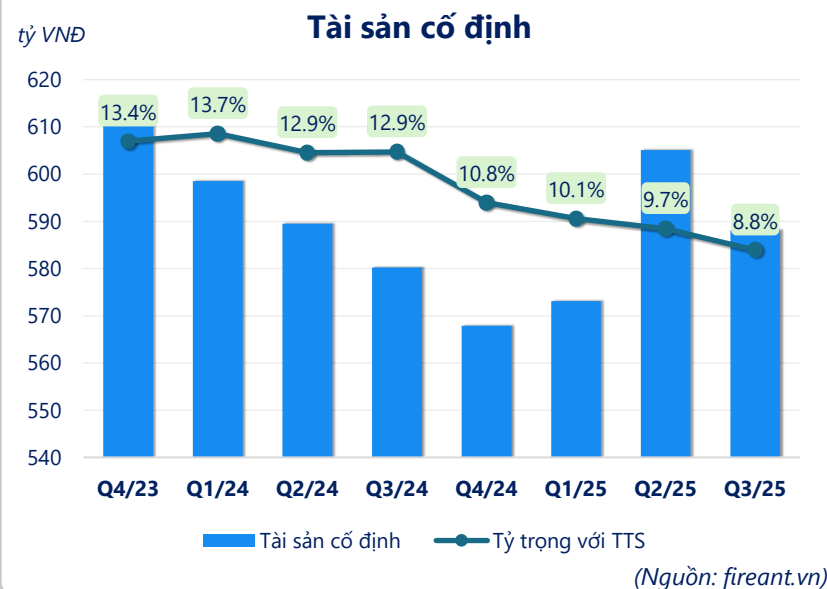
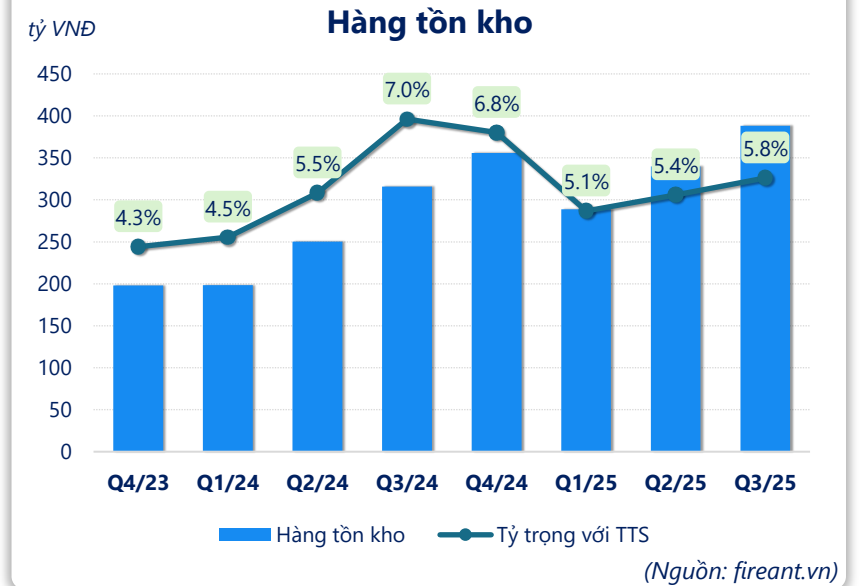
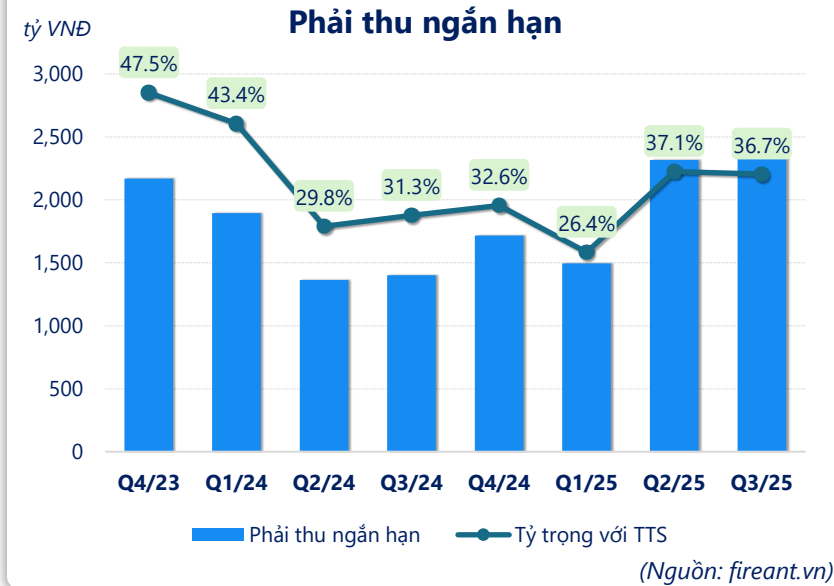
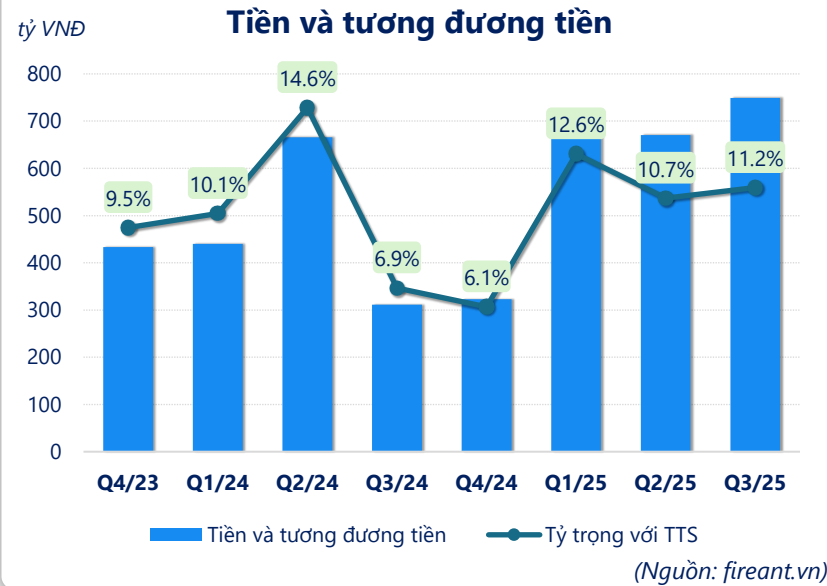
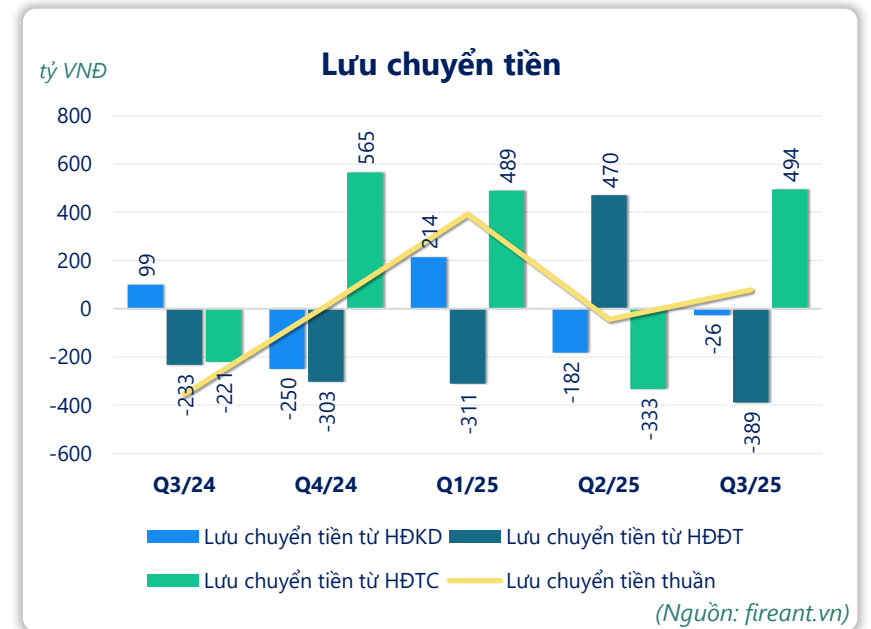
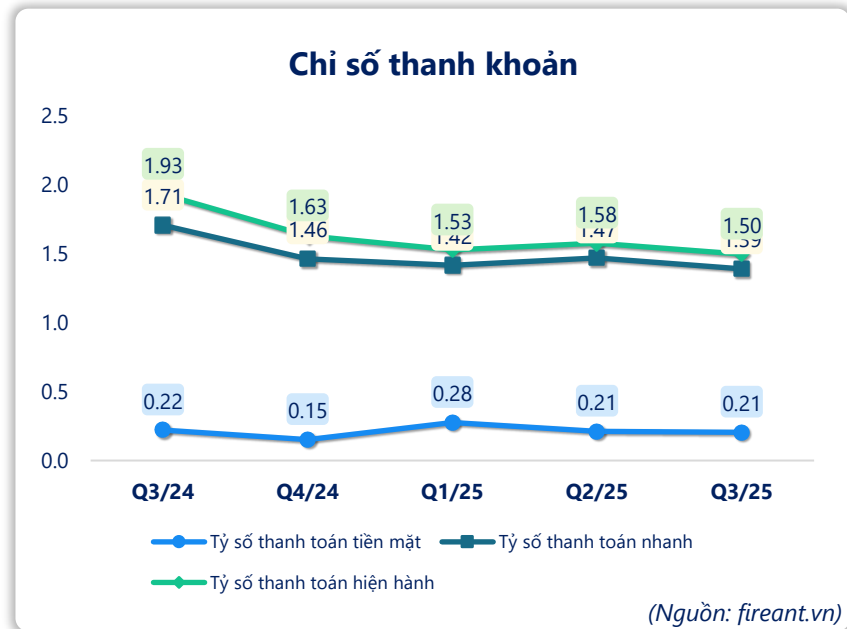
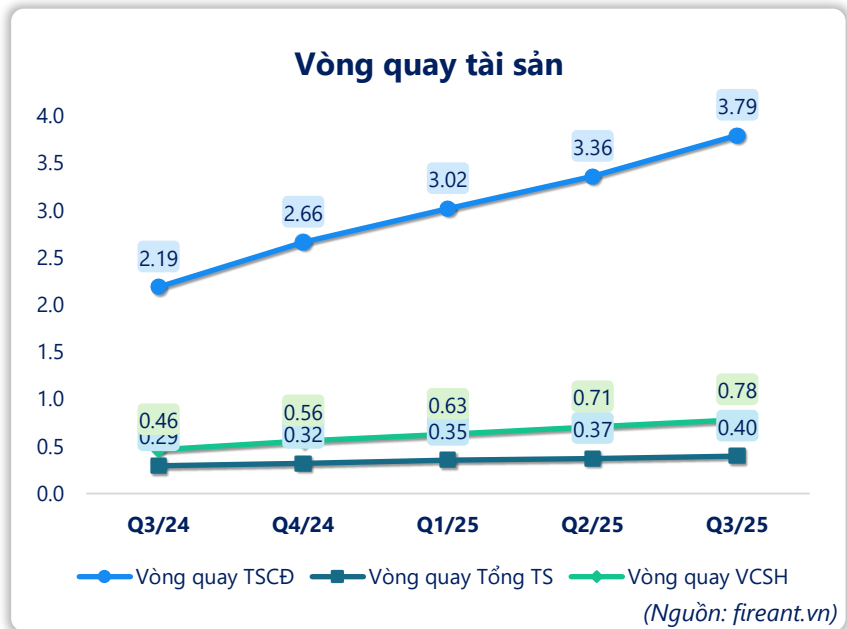
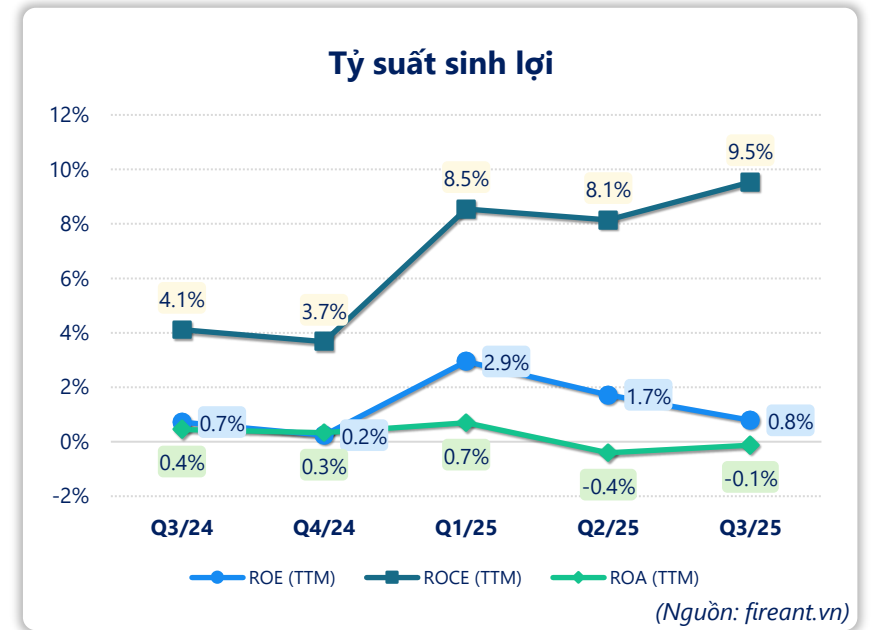
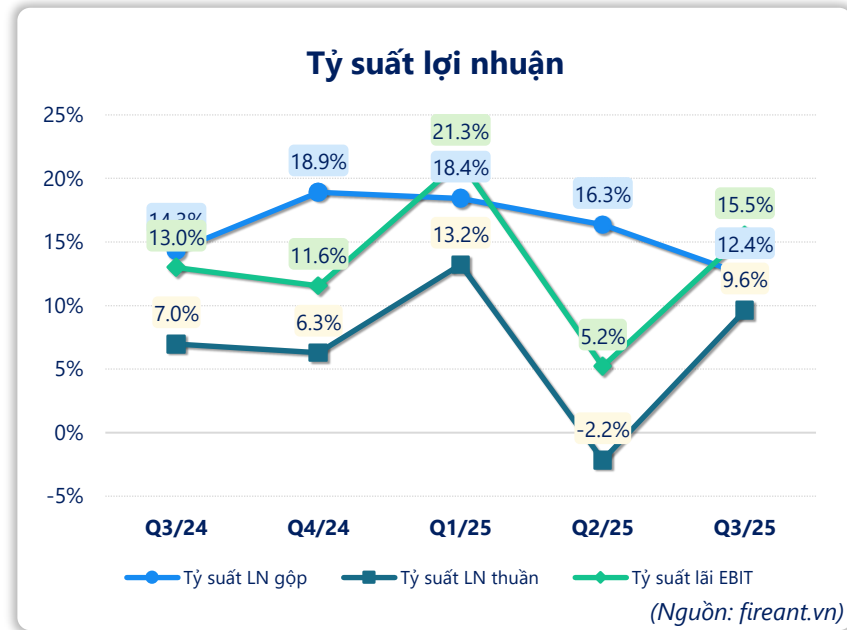
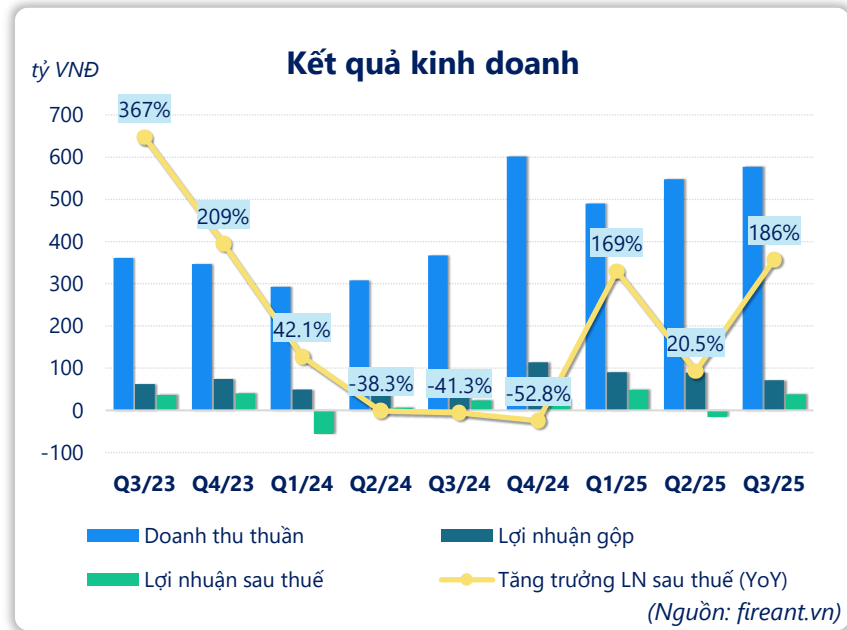


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		13,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		17,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,500
SL cổ phiếu LH		75,464,700
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,060
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		981
P/E		43.9
EPS		296

	YTD	1T	3T	6T
SGI	5.7%	0.8%	-3.7%	8.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	6,698	5,263	27.3%
Tài sản ngắn hạn	5,453	3,470	57.1%
Tiền và tương đương tiền	749	323	132%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,781	1,030	73.0%
Phải thu ngắn hạn	2,461	1,714	43.5%
Hàng tồn kho	388	356	9.2%
Tài sản ngắn hạn khác	74.1	47.2	57.0%
Tài sản dài hạn	1,245	1,793	-30.6%
Phải thu dài hạn	23.9	712	-96.6%
Tài sản cố định	588	568	3.6%
Bất động sản đầu tư	135	138	-2.2%
Tài sản dở dang	178	20.8	754%
Đầu tư tài chính dài hạn	65.3	180	-63.8%
Tài sản dài hạn khác	88.0	89.9	-2.1%
Lợi thế thương mại	167	84.3	98.3%
Nợ phải trả	3,854	2,481	55.3%
Nợ ngắn hạn	3,644	2,131	71.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,697	1,698	58.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	383	166	131%
Nợ dài hạn	209	350	-40.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	124	235	-47.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,845	2,782	2.2%
Vốn chủ sở hữu	2,845	2,782	2.2%
Vốn điều lệ	755	755	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	367	602	490	547	577
Giá vốn hàng bán	315	488	400	458	505
Lợi nhuận gộp	52.6	114	90.3	89.5	71.6
Doanh thu HĐTC	141	75.0	120	76.9	154
Chi phí TC	73.8	33.9	60.9	75.3	48.3
Chi phí lãi vay	22.0	31.6	34.5	39.2	39.5
LN trong công ty LKLD	1.53	-0.74	1.71	0.81	0
Chi phí bán hàng	26.1	34.2	29.9	39.9	44.3
Chi phí QLDN	70.0	82.0	56.6	63.9	77.9
LN thuần từ HĐKD	25.6	37.9	64.8	-11.8	55.5
Lợi nhuận khác	0.12	0.05	5.21	1.11	-5.35
LN trước thuế	25.7	38.0	70.0	-10.7	50.2
Lợi nhuận sau thuế	23.8	26.3	48.9	-15.7	37.8
LNST của CĐ cty mẹ	19.8	16.1	34.9	-21.9	-6.82

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	99.3	-250	214	-182	-26.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-233	-303	-311	470	-389
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-221	565	489	-333	494
Tiền đầu kỳ	666	311	323	715	670
Lưu chuyển tiền thuần	-355	11.8	392	-44.6	78.6
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.02	-0.02	-0.03	-0.04
Tiền cuối kỳ	311	323	715	670	749

(Nguồn: fireant.vn)